TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 28-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Việt Chiến,

2. Bà Trần Thị Kim Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2020/TLHS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Thị T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; tạm trú: Khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 10/12; con ông Đỗ Văn M, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị K, sinh năm 1961; có chồng là Trương Đặng H, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Phan Thị T, sinh năm 1995; trú tại: Thôn 1, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Phan Thị Diễm H, sinh năm 1989; trú tại: Số 451 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22-12-2019, bị cáo Đỗ Thị T sang phòng trọ của chị Phan Thị T tại khối phố M, phường A, thành phố T để chơi. Khi thấy chị Phan Thị T đi ra khỏi phòng trọ nên bị cáo nảy sinh ý định lục lọi đồ đạc tìm tài sản chiếm đoạt. Bị cáo lén lút kéo ngăn tủ nhựa đựng quần áo thì thấy bên trong có chiếc ví da cầm tay

nữ màu xám, trong ví có số tiền 10.000.000 đồng; 01 bọc giấy bên trong có 01 khâu vàng 24k trọng lượng 02 chỉ và 01 lắc tay vàng 18k trọng lượng 0,7 chỉ nên đã chiếm đoạt của chị Phan Thị T số vàng trên và 1.000.000 đồng tiền mặt. Bị cáo đem 01 khâu vàng 24k trọng lượng 02 chỉ và 01 lắc tay vàng 18k trọng lượng 0,7 chỉ tới tiệm vàng K bán cho chị Phan Thị Diễm H được số tiền 9.400.000 đồng. Do phát hiện bị mất tài sản nên chị T đã báo Công an thành phố Tam Kỳ giải quyết. Tổng cộng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt của chị T là 11.034.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Kỳ đã thu giữ số tiền 10.040.000 đồng mà bị cáo giao nộp để trả lại cho bị hại, bị cáo cũng tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 2.660.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự.

Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 02-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố bị cáo Đỗ Thị T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đỗ Thị T từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng**: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Kỳ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được: Ngày 22-12-2019, tại phòng trọ của chị Phan Thị T tại khối phố M, phường A, thành phố T, bị cáo Đỗ Thị T đã lén lút lục tủ quần áo của chị Phan Thị T trộm cắp số tiền 1.000.000 đồng, 01 khâu vàng 24k trọng lượng 02 chỉ (trị giá 8.300.000 đồng) và 01 lắc tay vàng 18k trọng lượng 0,7 chỉ (trị giá 1.834.000 đồng). Tổng cộng giá trị tài sản bị cáo T trộm cắp của chị Phan Thị T là 11.034.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Đỗ Thị T đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Thị T là cố ý, gây guy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, vì vậy cần xử phạt mức hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; phạm tội khi đang mang thai; hành vi mang tính bộc phát nhất thời, bị cáo còn nuôi con nhỏ. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đồng thời xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nơi cư trú rõ ràng, vì vậy chỉ cần áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo về cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ tính răn đe, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo thành công dân có ích. Bị cáo còn nuôi con nhỏ, nghề nghiệp không ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[2.3] Trách nhiệm dân sự; vấn đề liên quan trong vụ án:

- *Trách nhiệm dân sự*: Bị hại Phan Thị T đã nhận lại đủ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không giải quyết.

- *Vấn đề liên quan khác:* Không có căn cứ xác định chị Phạm Thị Diễm H biết được hành vi phạm tội của bị cáo T nên không xử lý.

[2.4] *Về án phí*: Bị cáo Đỗ Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Đỗ Thị T** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Uỷ ban nhân dân phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đỗ Thị T cho Ủy ban nhân dân phường An Mỹ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đỗ Thị T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

2. Bị cáo Đỗ Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đinh Tấn Long